

QUỐC SỬ QUÁN TRIỀU NGUYỄN VÀ VIỆC BIÊN SOẠN QUỐC SỬ THỰC LỤC

ThS. NGUYỄN THU HOÀI
Trung tâm Lưu trữ quốc gia I

1. Việc thành lập Quốc sử quán triều Nguyễn

Quốc sử quán triều Nguyễn là cơ quan chuyên trách việc nghiên cứu, lưu trữ sử liệu, biên soạn các bộ sử chính thống của triều đình. Quốc sử quán bắt đầu dựng đặt tháng 6 năm Canh Thìn (1820) và chính thức đi vào hoạt động năm 1821 đời vua Minh Mệnh. Nhà vua từng dụ bầy tôi rằng: *Nhà nước ta từ khi mở mang đến nay, các thánh nối nhau hàng 200 năm. Kịp đến Thế tổ Cao hoàng đế ta' trung hưng thống nhất đất nước, trong khoảng ấy sự tích công nghiệp nếu không có sử sách thì lấy gì để dạy bảo lâu dài về sau. Trẫm muốn lập Sử quán, sai các nho thần biên soạn quốc sử thực lục để nêu công đức về kiến, đốc, cơ, cần làm phép cho đời sau, cũng chẳng là phải sao¹. Bầy tôi đều tuân dụ. Bèn sai chọn đất ở bên Tả trong kinh thành họp thợ xây đắp hơn 01 tháng thì xong.*

Trụ sở của Quốc sử quán đặt tại phường Phú Văn trong Kinh thành, ban đầu gồm 02 dãy nhà là nơi làm việc của các quan. Năm Thiệu Trị thứ 2 (1842) dựng thêm 2 dãy tả, hữu vu ngăn bằng tường gạch lấy chỗ làm việc cho các viên Tu thư. Năm Tự Đức thứ 2 (1849) dựng nhà chứa các ván in san khắc còn gọi là Tàng bản đường phía sau Sử quán². Dưới triều

Nguyễn, Quốc sử quán nhiều lần được trùng tu, sửa sang hoặc mở rộng. Năm Thành Thái thứ 9 (1897) nhận thấy bản in các bộ sách tàng trữ tại Quốc sử quán ngày càng nhiều, triều đình cho sửa sang lại 3 ngôi nhà của Ấn thư cục để chứa thêm sách³. Năm Thành Thái thứ 19 (1907) Quốc sử quán được tu sửa xây trát lại tường bao. Sau đó, Quốc sử quán còn được tu sửa một số lần vào các năm Duy Tân thứ 2 (1908), Khải Định thứ 2 (1917)⁴...

Theo quy định, quan viên Quốc sử quán đều chọn người có chữ nghĩa, giỏi văn học để bổ vào làm việc. Đứng đầu đặt một viên Giám tu thay mặt nhà vua chỉ đạo việc biên soạn sách vở. Dưới Giám tu đặt các chức Chánh, Phó Tổng tài, thời vua Minh Mệnh mỗi vị trí đặt một người hàm Chánh hoặc Tông Nhất phẩm văn giai trực tiếp phụ trách việc biên soạn, khảo đính. Đến thời Thiệu Trị nhà vua cho tăng thêm mỗi vị trí 2 người. Các chức Chánh, Phó Tổng tài đều không đặt người nhất định chủ yếu lấy người ở Hàn lâm viện hoặc Thượng thư các Bộ kiêm nhiệm. Ngoài ra đặt 4 viên Toán tu hàm Tông Nhị phẩm văn giai phụ trách trực tiếp biên soạn nội dung. Các chức Biên tu 8 viên, Khảo hiệu 4 viên, Đăng lục 6 viên, Thụ chương 6 viên và các viên Bút

thiếp thức chịu trách nhiệm biên soạn, hiệu đính, sao chép, tập hợp lưu trữ tư liệu... Từ Biên tu trở xuống đều làm việc tại Quốc sử quán, Toàn tu cũng cho miễn không phải kiêm nhiệm để có người chuyên trách công việc.

Về lương bổng, trừ các viên Tổng tài, Phó Tổng tài đều kiêm nhiệm chức vụ nên không đặt lệ lương bổng định kỳ. Các viên từ Toàn tu trở xuống năm Minh Mệnh thứ 2 (1821) chuẩn định mỗi tháng mỗi viên Toàn tu 5 quan tiền, Biên tu 3 quan, Khảo hiệu 2 quan, Thu chương, Đăng lục 1 quan 5 tiền. Đời vua Thiệu Trị quy định Toàn tu 5 quan, Biên tu 4 quan, Khảo hiệu 2 quan, Thu chương và Đăng lục mỗi người đều 1 quan. Năm Tự Đức thứ 28 (1875) cấp thêm cho Toàn tu 8 quan, Biên tu 5 quan, Khảo hiệu 3 quan, Thu chương, Đăng lục 2 quan để chăm chỉ làm việc. Ngoài việc cấp lương định kỳ và giấy, bút, mực, dầu để làm việc, các vua nhà Nguyễn còn ban thưởng bạc thay cho cổ yến theo thứ bậc. Thời vua Minh Mệnh quy định Tổng tài 15 lạng bạc, Phó tổng tài 10 lạng, Toàn tu 8 lạng, Biên tu 6 lạng, Khảo hiệu 4 lạng, Thu chương, Đăng lục 2 lạng. Thời vua Thiệu Trị quy định Tổng tài 18 lạng, Phó tổng tài 13 lạng, Toàn tu 11 lạng, Biên tu 8 lạng, Khảo hiệu 6 lạng, Thu chương và Đăng lục mỗi người 4 lạng.

Trong 125 năm tồn tại, Quốc sử quán đã biên soạn, san khắc rất nhiều sách vở quan trọng của triều Nguyễn. Đặc biệt là các bộ chính sử như *Đại Nam thực lục (Tiền biên, Chính biên)*, *Đại Nam liệt truyện, Khâm định Việt sử thông giám cương mục, Minh Mệnh chính yếu, Đồng Khánh - Khải Định chính yếu, Ngự chế tiêu bình lương kỳ nghịch phi phương lược...* hay các bộ sách về địa lý địa

chí như *Đại Nam nhất thống chí, Đồng Khánh địa dư chí...*

2. Quốc sử quán triều Nguyễn và việc biên soạn quốc sử thực lục

Quốc sử quán được dựng xong và đi vào hoạt động, việc đầu tiên vua Minh Mệnh muốn thực hiện là biên soạn ngay bộ quốc sử biên niên. Vì vậy, năm Minh Mệnh thứ 2 (1821) vua sắc cho đại thần biên soạn sách *Liệt thánh thực lục*⁶ để biên chép những điều mắt thấy tai nghe về buổi đầu trung hưng dựng nước. Vua ban Dụ rằng: *Nước phải có sử để làm tin ở đời nay mà truyền lại đời sau. Hoàng khảo Thế tổ Cao hoàng đế ta, thống nhất non sông, mở mang trăm phép, đã từng bàn định làm sử, nhưng vì muốn việc phải tùy nghi việc trước việc sau, nên việc làm sử còn chưa thực hiện được. Nay Trẫm mới thân chấp chính, chí chuộng việc văn, làm việc đều theo sử cũ. Mỗi khi xét việc ban lệnh xong, lại dăm dăm nghĩ đến việc noi dòng nối nghiệp. Đặc biệt sai xét tìm văn thư sót lại, xây dựng sử cục, ban rõ mệnh này để bắt tay làm*⁷. Các quan viên được bổ để biên soạn bộ *Liệt thánh thực lục* gồm Thự Chương Hữu quân Nguyễn Văn Nhân sung làm Tổng tài; Thượng thư Trịnh Hoài Đức, Phạm Đăng Hưng làm Phó tổng tài; Tham tri Trần Minh Nghĩa, Nguyễn Khoa Minh, Nguyễn Văn Hưng, Thự Tham tri Nguyễn Huy Trinh, Hàn lâm chương viện học sĩ Hoàng Kim Hoán, Thái thường Tự khanh Lê Đồng Lý, Lại bộ Thiêm sự Lê Đăng Doanh, Đồng các học sĩ Đinh Phiên, Hàn lâm Thị giảng học sĩ Nguyễn Tuấn Lý, Nguyễn Mậu Bách làm Toàn tu. Ngoài ra lấy 25 người làm Biên tu, 5 người Khảo hiệu, 12 người Thu chương, 8 người Đăng lục.

Liệt thánh thực lục còn gọi là *Đại Nam*

thực lục là bộ chính sử lớn nhất và quan trọng nhất của triều Nguyễn do Quốc sử quán biên soạn trong khoảng gần 120 năm từ năm Minh Mệnh thứ 2 (1821) đến năm Bảo Đại 14 (1939) thì cơ bản hoàn thành và san khắc xong những quyển cuối cùng. Đây là bộ biên niên lịch sử về nhà Nguyễn gồm 2 phần Tiền biên và Chính biên. Trong đó Tiền biên ghi chép về sự nghiệp của 9 chúa Nguyễn, bắt đầu từ chúa Nguyễn Hoàng (Thái tổ Gia Dụ hoàng đế) vào trấn thủ Thuận Hóa (1558) đến hết đời chúa Nguyễn Phúc Thuần (Duệ tông Hiếu định hoàng đế) năm 1777. Chính biên gồm 7 kỷ và 1 kỷ phụ biên chép về công tích sự nghiệp của 10 vị vua nhà Nguyễn là Gia Long, Minh Mệnh, Thiệu Trị, Tự Đức, Kiến Phúc, Hàm Nghi, Đồng Khánh, Thành Thái, Duy Tân và Khải Định. Mỗi lần biên soạn một kỷ tức về một triều đại, các vua nhà Nguyễn đều ban một đạo Dụ và bổ nhiệm các vị trí từ Tổng tài trở xuống để chuyên trách. Tiêu biểu như đạo Dụ của vua Thiệu Trị năm thứ nhất (1841)⁸:

Dụ rằng: Một triều đại hưng thịnh tất là một triều đại có tín sử, cho nên tín sử ghi chép rõ việc ở đời trước để lại làm gương cho đời sau. Nước nhà ta, vãng mệnh trời, mở vận nước, thánh thần truyền nối đã hơn 200 năm nay, các việc lễ, nhạc, hình, chính, tùy thời mà thêm bớt. Hoàng khảo Thế tổ Cao hoàng đế ta, trung hưng khai sáng cơ nghiệp, đem hết sức mình làm cho đất nước thái bình, noi theo phép tắc mà thống nhất giang sơn, xây dựng đất nước quy mô ngày càng lớn rộng.

Hoàng khảo Thánh tổ Nhân hoàng đế ta, văn võ toàn tài, mưu lược hiển hách, chính thể ngay thẳng công bằng nhưng vẫn uyển chuyển linh hoạt. Trong 21 năm cầm quyền,

chính trị yên ổn, pháp luật tốt lành, rành rành có thể ghi chép được. Năm Minh Mệnh thứ 2 [1821], lập ra Sử quán, sai các Nho thần soạn sách Thực lục từ các Liệt thánh đến Hoàng tổ ta. Bắt đầu từ Triệu tổ khi mới phát tích, đến các Liệt thánh khai mở cõi Nam, gọi là "Tiền biên". Từ trung hưng trở về sau, gọi là "Chính biên". Các sử thần đã nhiều lần biên soạn, bổ sung cho tường tận, duy xét các đời tín sử vẫn cần khảo đính thêm cho chu đáo. Hoàng khảo, Thánh tổ Nhân hoàng đế ta, đức nhiều, công lớn, chép ở các sách Minh Mệnh chính yếu, Tiểu bình phương lược, thấy phép tắc quy mô lớn lao, rõ ràng mạch lạc. Ngay cả đi đứng, nói năng, việc làm đều được quan Tả sử ghi rõ, điều mục còn nhiều vậy nên kịp thời biên soạn lại.

Trẫm muốn thuận theo văn hiến đời trước, cải chính sai lẫn để tập hợp thành sách cốt tỏ rõ cho đời sau nên đã Dụ cho Đình thần chọn cử người sung vào làm nhân viên sơ Thực lục và bàn xét rõ ràng các điều khoản cho hợp thức. Quan Giám tu Quốc Sử quán tạm thời đợi chọn sau, nguyên trước đây đã chọn Chánh, Phó Tổng tài mỗi chức một người, nay truyền tăng thêm mỗi vị trí 2 người. Các viên Thái bảo Văn Minh điện Đại học sĩ Trương Đăng Quế, Đông các Đại học sĩ Vũ Xuân Cẩn đã từng được sung làm Tổng tài dưới thời Minh Mệnh, Thượng thư bộ Công Nguyễn Trung Mậu, Thự Thượng thư bộ Lễ Phan Bá Đạt cũng từng được dự tuyển. Nay chuẩn cho bọn Trương Đăng Quế, Vũ Xuân Cẩn đều được sung chức Tổng tài; Nguyễn Trung Mậu, Phan Bá Đạt đều sung chức Phó tổng tài. Bốn viên ấy đều đang giữ nhiệm vụ chính ở bộ, vì vậy chuẩn cho vẫn giữ nguyên chức cũ sung

lãnh để thường xuyên qua lại bàn bạc khảo đính, cốt cho chu toàn thỏa đáng. Còn các viên từ Toàn tu trở xuống chuẩn cho đều giải quyết xong công việc ở nhà cũ sẽ đến Sử quán biên soạn sách...

Những viên được chọn cử lần này đều phải làm việc thận trọng, hết lòng khảo đính, không được nói quá sự thực, có thể trưng cầu thêm các bậc tiền bối để làm sáng rõ, chiếu xét tin tức các đời mới không phụ lòng ủy thác của Trẫm. Khâm thủ!

Ngày 12 tháng 11 năm Thiệu Trị nguyên niên [1841].

Khâm dụng ấn Hoàng Đế Chi Bảo

Các viên đại thần ở Nội các phụng soạn.

Các viên đại thần ở Cơ mật viện phụng duyệt.

Tháng 11 năm Thiệu Trị thứ 4 (1844) bộ Liệt thánh thực lục gồm phần Tiền biên ghi chép giai đoạn các chúa Nguyễn và phần Chính biên (Đệ nhất kỷ) ghi chép về đời Hoàng đế Gia Long đã soạn xong. Các viên Tổng tài, Phó tổng tài lúc đó là Trương Đăng Quế, Vũ Xuân Cẩn, Hà Duy Phiên, Nguyễn Trung Mậu dâng bản tấu trình xin khắc in. Vua Thiệu Trị ban Dụ rằng: *Xem qua tờ tâu, Trẫm rất vui lòng. Kể từ năm Minh Mệnh thứ 2 mở đặt Sử cục đến nay trải trong khoảng 25 năm, việc biên soạn đã xong, đầy đủ rõ ràng được đến thế, thực đủ làm rạng rỡ công đức liệt thánh đời xưa. Vậy nên cho khắc vào gỗ lể gỗ tào để in truyền lại dài lâu.*

Thực lục chính biên (Đệ nhị kỷ) chép về đời Thánh tổ Nhân Hoàng đế¹⁰ biên soạn xong năm Tự Đức thứ 14 (1861). Các viên Tổng tài, Phó tổng tài, Toàn tu Quốc sử quán gồm Phan Thanh Giản, Trương Quốc Dung,

Phạm Hữu Nghi, Lê Lượng Bạt làm bản tấu dâng lên vua Tự Đức xem duyệt và xin cho khắc in. Tháng 11 năm Tự Đức thứ 17 (1864) khắc in xong gồm 222 quyển.

Năm Tự Đức thứ 30 (1877) Quốc sử quán tiếp tục soạn xong phần *Chính biên (Đệ tam kỷ)* về Hiến tổ Chương hoàng đế¹¹ gồm 72 quyển và 2 quyển mục lục, xin đem khắc in. Các viên Tổng tài, Phó Tổng tài phụ trách việc biên soạn gồm Trương Đăng Quế, Trần Tiến Thành, Phan Thanh Giản. Tháng 7 năm Tự Đức thứ 32 (1879) sách khắc in xong.

Đệ tứ kỷ về đời vua Tự Đức được hoàn thành năm Thành Thái thứ 6 (1894) gồm 71 quyển, khắc in xong bọc bìa lụa vàng năm Thành Thái 11 (1899). Tổng tài biên soạn phần này là Nguyễn Hữu Độ, Phan Đình Bình, Nguyễn Trọng Hợp.

Tháng 11 năm Thành Thái thứ 12 (1900) Thực lục Chính biên (Đệ ngũ kỷ) về Giản tông Nghị hoàng đế¹² đã soạn xong, xin cho san khắc. Các viên phụ trách gồm Tổng tài Trương Quang Đản, Phó tổng tài Nguyễn Thuật, Hoàng Hữu Xứng, Cao Xuân Dục, Toàn tu Ngô Huệ Liên. Sách khắc in xong năm Thành Thái thứ 14 (1902).

Đệ lục kỷ chép về đời vua Hàm Nghi và Đồng Khánh gồm 12 quyển hoàn thành năm Duy Tân thứ 3 (1909) do Tổng tài Cao Xuân Dục phụ trách. Đệ lục kỷ phụ biên gồm 29 quyển chép về các đời vua Thành Thái và Duy Tân do các viên Hồ Đắc Trung, Võ Liêm, Lê Nhữ Lâm làm Tổng tài, hoàn thành năm Khải Định thứ 7 (1922). Đệ thất kỷ gồm 11 quyển chép về đời vua Khải Định do Phạm Quỳnh làm Kiêm quản, Lê Nhữ

Lâm làm Tổng tài, hoàn thành năm 1939 đời vua Bảo Đại.

Có thể nói triều Nguyễn là triều đại rất coi trọng sử sách. Vua Gia Long khi mới khởi nghiệp công việc cùng cố xây dựng chính quyền còn bẽ bộn nên việc biên soạn lịch sử chưa được chú trọng. Đến đời vua Minh Mệnh, vua là người trọng học vấn, kiến thức, rất để ý chuyện soạn thuật, luôn khuyến khích quần thần chăm chỉ đọc sách, biên soạn sách vở. Vua từng dụ rằng: *Đạo trị nước chép ở sách vở, không xem rộng xét kỹ không thể biết hết được. Nay thư viện Thanh Hoà chứa nhiều sách lạ bốn phương, bọn khanh lúc rỗi việc mà có chí đọc sách thì mượn mà xem*¹³. Ngay năm Minh Mệnh 1 (1820), nhà vua đã xuống chiếu sưu tầm sách cũ. *Trẫm để ý điển xưa noi theo chí trước, nghĩ rằng nhờ công đức các đời mở đắp mới có ngày nay, càng muốn làm rõ rệt dấu xưa, giao cho sử quan thuật lại... Vậy chuẩn cho quan dân trong ngoài, phạm nhà nào cất được những bản biên chép điển cũ của triều trước thì không kể tường hay lược đem nguyên bản tiến nộp hoặc đưa cho nhà nước sao chép, đều có khen thưởng*¹⁴. Do đó trong ngoài đều đem các bản biên chép đến dâng nộp như Thượng thư Trịnh Hoài Đức dâng sách *Gia Định thông chí* (3 quyển) và sách *Minh Bội di ngư văn thảo*, Chiêm hậu Hoàng Công Tài dâng sách *Bản triều ngọc phá* và sách *Ký sự*, Cung Văn Hy người phủ Quảng Đức dâng sách *Khai quốc công nghiệp diễn chí* (7 quyển), Nguyễn Đình Chính người Thanh Hoá dâng sách *Minh tương khai cáo lục* (34 điều), Võ Nguyên Biều người Quảng Ngãi dâng sách *Cổ sự biên lục* (1 quyển), Phan

Huy Chú dâng sách *Lịch triều hiến chương loại chí* (49 quyển)... vua đều khen và cho thưởng vàng lụa theo các bậc khác nhau. Nhờ vậy mà các đời tiếp theo việc biên soạn lịch sử nói riêng và thư tịch nói chung luôn được kế tục và để lại nhiều thành tựu khiến triều Nguyễn là một trong những triều đại có nền sử học phát triển thịnh trị nhất trong lịch sử phong kiến Việt Nam ■

Chú thích:

1. Tức vua Gia Long
2. Quốc sử quán triều Nguyễn, Đại Nam thực lục, tập 2 (bản dịch), NXB Giáo dục, Hà Nội 2007, trang 66.
3. Quốc sử quán triều Nguyễn, Đại Nam nhất thống chí, tập 1 (bản dịch), NXB Thuận Hoá, Huế 1992, trang 56.
4. Châu bản triều Thánh Thái, tập 29, tờ 225.
5. Lần tu bổ năm Khải Định 2 số tiền chi phí tổng cộng là 2986 đồng 5 hào (Châu bản triều Khải Định, tập 2, tờ 131).
6. Còn gọi là Đại Nam thực lục.
7. Quốc sử quán triều Nguyễn, tập 2, đã dẫn, trang 133-134.
8. Châu bản triều Thiệu Trị, tập 10, trang 112-114.
9. Quốc sử quán triều Nguyễn, tập 1, đã dẫn, trang 8.
10. Tức vua Minh Mệnh.
11. Tức vua Thiệu Trị.
12. Tức vua Kiến Phúc.
13. Quốc sử quán triều Nguyễn, tập 2, đã dẫn, trang 40.
14. Quốc sử quán triều Nguyễn, tập 2, đã dẫn, trang 63.